

Luật số: / /QH...

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XUẤT BẢN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số .../2026/QH...

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xuất bản là quá trình tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập *thiết kế* thành bản mẫu để *tạo* thành xuất bản phẩm in hoặc điện tử và hoàn thành nộp lưu chiểu theo quy định của Luật này.

2. In *xuất bản phẩm* là việc sử dụng thiết bị *ché bản*, in, *gia công sau in* để tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu.

3. Phát hành xuất bản phẩm là việc *đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng theo một hoặc nhiều hình thức*:

a) Bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu, tham gia hội chợ phân phối qua đại lý, ký gửi hoặc hình thức khác nhằm mục đích kinh doanh;

b) Phân phát, cho, biếu, tặng, cho mượn, triển lãm, lưu hành nội bộ, viện trợ, tặng kèm không thu tiền và các hình thức khác không nhằm mục đích kinh doanh.

4. Xuất bản phẩm *bao gồm xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử* là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản tại Việt Nam hoặc thông qua các cơ quan quan, tổ chức được xuất bản tài liệu không kinh doanh

hoặc được nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của Luật này, bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức sau đây:

- a) Sách in,
- b) Sách chữ nổi,
- c) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp
- d) Các loại lịch;
- đ) *Sách điện tử*, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

5. Bản thảo là bản viết tay, đánh máy hoặc bản được tạo ra bằng phương tiện điện tử của một tác phẩm, tài liệu để xuất bản.

6. Biên tập là việc rà soát, hoàn thiện nội dung và hình thức bản thảo *thành bản mẫu*.

7. Tài liệu không kinh doanh là xuất bản phẩm không dùng để mua, bán hoặc trao đổi bằng các hình thức kinh doanh khác nhằm mục tiêu lợi nhuận;

8. Xuất bản điện tử là việc tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập thành bản mẫu và sử dụng phương tiện điện tử để tạo ra xuất bản phẩm điện tử.

9. *Xuất bản phẩm điện tử là xuất bản phẩm được biên tập, định dạng, phát hành và lưu hành dưới dạng dữ liệu số, có thể đọc, nghe, nhìn, tương tác bằng phương tiện điện tử, bao gồm cả xuất bản phẩm phát hành qua mạng Internet, nền tảng số hoặc ứng dụng điện tử”.*

10. *Phương tiện điện tử trong Luật được quy định theo Luật giao dịch điện tử.*

11. Phương thức xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử là việc xuất bản và phát hành xuất bản phẩm trên các phương tiện điện tử.

12. Lưu chiếu là việc *cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và lưu giữ xuất bản phẩm để đối chiếu, kiểm tra, thẩm định.*

13. *Cơ sở in xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các tổ chức này và hộ kinh doanh trực tiếp thực hiện toàn bộ hoặc từng công đoạn chế bản, in và gia công sau in đối với xuất bản phẩm.*

14. *Cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện một hoặc nhiều hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này nhằm mục đích kinh doanh bằng phương thức trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật Giao dịch điện tử hoặc phương thức khác để đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng.*

15. *Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện cung cấp nền tảng số*

trung gian theo quy định tại Điều 45 Luật Giao dịch điện tử để phát hành xuất bản phẩm.

16. Người đứng đầu cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm là người đại diện theo pháp luật được ghi tên tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở in, cơ sở phát hành là đơn vị sự nghiệp công lập.

17. *In nổi bản trái phép xuất bản phẩm là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để tạo ra thêm xuất bản phẩm vượt quá số lượng được phép theo một hoặc nhiều trường hợp sau đây:*

- a) Vượt quá số lượng ghi trong giấy xác nhận đăng ký xuất bản;*
- b) Vượt quá số lượng ghi trong quyết định xuất bản, tái bản xuất bản phẩm;*
- c) Vượt quá số lượng ghi trong giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh;*
- d) Vượt quá số lượng ghi trong giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm;*
- đ) Vượt quá số lượng ghi trong hợp đồng in xuất bản phẩm;*
- e) Vượt quá số lượng được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép.*

18. *In lậu xuất bản phẩm là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để tạo ra phiên bản có toàn bộ hoặc một phần nội dung hoặc hình thức thể hiện của xuất bản phẩm đã được xuất bản hoặc nhập khẩu hợp pháp, trong khi tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi không có một hoặc nhiều loại giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 17 Điều này hoặc không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, trừ các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.*

19. *Làm xuất bản phẩm giả là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in hoặc phương tiện điện tử để tạo ra sản phẩm có hình thức tương tự xuất bản phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều này mà không dựa trên xuất bản phẩm đã xuất bản hoặc nhập khẩu hợp pháp và không có một hoặc nhiều loại giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 17 Điều này, trừ trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả tự thực hiện với số lượng hợp lý để sử dụng cho mục đích cá nhân hoặc phổ biến hạn chế nhưng không nhằm mục đích thương mại.*

20. *In xuất khẩu xuất bản phẩm bao gồm:*

- a) In xuất khẩu trực tiếp là việc cơ sở in tự đầu tư nguyên vật liệu, in và xuất khẩu xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;*
- b) In gia công xuất khẩu là việc cơ sở in tiếp nhận nguyên vật liệu từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, sau đó thực hiện in, gia công sau in và xuất khẩu xuất bản phẩm theo đơn đặt hàng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.*

21. Tái bản là việc nhà xuất bản tổ chức xuất bản lại một xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp trước đó, không sửa chữa, bổ sung nội dung hoặc có sửa chữa, bổ sung và chịu trách nhiệm pháp lý như đối với xuất bản lần đầu.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản

1. Chính sách chung của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản

a) Nhà nước có chiến lược phát triển mạng lưới nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; *ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật về thuế, tiền thuê đất, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, lãi suất vay vốn theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về tài sản công, pháp luật về đầu tư*; có chính sách thu hút các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động xuất bản, *thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản, phát triển văn hóa đọc.*

b) *Các nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành tổ chức xuất bản, in và phát hành, doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác được hưởng ưu đãi theo quy định khoản 2,3,4,5 Điều này.*

2. Chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực xuất bản:

a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho các nhà xuất bản phục vụ nhiệm vụ, đối tượng và địa bàn quy định tại điểm b, khoản 1 điều này.

b) Đặt hàng, *giao nhiệm vụ, đấu thầu để có xuất bản phẩm có giá trị cao phục vụ yêu cầu đối mới, sáng tạo, chuyển đổi số và các tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ, đối tượng, địa bàn quy định tại điểm b, khoản 1 điều này.*

c) Mua bản thảo đối với những tác phẩm có giá trị nhưng thời điểm xuất bản chưa thích hợp hoặc đối tượng sử dụng hạn chế; hỗ trợ mua bản quyền và *dịch thuật* đối với tác phẩm trong nước và nước ngoài có giá trị phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và *thông tin đối ngoại.*

d) *Hỗ trợ kinh phí để tôn vinh xuất bản phẩm có giá trị cao và vinh danh tác giả, nhà xuất bản, đơn vị phát hành sách tham gia liên kết tổ chức bản thảo đối với xuất bản phẩm có giá trị cao.*

3. Chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực in xuất bản phẩm:

a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho cơ sở in phục vụ nhiệm vụ, đối tượng và địa bàn quy định tại điểm b, khoản 1 điều này;

b) *Bố trí quỹ đất cho các cơ sở in vừa và nhỏ, các cơ sở in di dời do ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về đất đai.*

4. Chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm:

a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến *đối với cơ sở phát hành phục vụ nhiệm vụ, đối tượng và địa bàn quy định tại điểm b, khoản 1 điều này;*

b) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động quảng bá văn hóa, đất nước, con người Việt Nam thông qua xuất bản phẩm; tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm trong và ngoài nước.

5. Chính sách của Nhà nước đối với xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử:

a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho nhà xuất bản, *cơ sở phát hành để xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử phục vụ nhiệm vụ, đối tượng và địa bàn quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này;*

b) Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu đặc tả của xuất bản phẩm điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, truy nhập, quản lý và lưu trữ xuất bản phẩm điện tử.

6. Chính phủ quy định chi tiết điều này phù hợp với từng giai đoạn phát triển của hoạt động xuất bản.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

1. Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp, tổ chức được thành lập tại nước ngoài hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực trong đó có xuất bản, phát hành xuất bản phẩm) được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam sau khi được *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt văn phòng đại diện* cấp giấy phép.

2. *Chính phủ quy định chi tiết điều kiện thành lập và nội dung hoạt động, trình tự thủ tục cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.*

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Xuất bản mà *không được xác nhận đăng ký*, không có quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xuất bản tài liệu không kinh doanh;

b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt;

c) *In nổi bản trái phép xuất bản phẩm, in lậu xuất bản phẩm, làm xuất bản phẩm giả;*

d) Phát hành hoặc tàng trữ thành phẩm, bán thành phẩm do in nổi bản trái phép, in lậu, làm giả xuất bản phẩm hoặc xuất bản phẩm không có nguồn gốc hợp pháp;

đ) Xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép;

e) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Đối tượng thành lập nhà xuất bản và loại hình tổ chức nhà xuất bản

1. Cơ quan, tổ chức sau đây được thành lập nhà xuất bản (sau đây gọi chung là cơ quan chủ quản nhà xuất bản):

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc các cơ quan này;

b) Tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc tổ chức này; tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh; hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm, tài liệu khoa học, học thuật.

2. Nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện do Nhà nước là chủ sở hữu.

3. Chính phủ quy định chi tiết về danh mục cơ quan trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh được thành lập nhà xuất bản.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Điều kiện thành lập nhà xuất bản

Việc thành lập nhà xuất bản phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;
2. Có người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 của Luật này để bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập và có ít nhất năm biên tập viên cơ hữu;
3. Có trụ sở bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản

1. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản lập hồ sơ đề nghị *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản *trong các trường hợp sau:*

a) *Thuộc đối tượng được thành lập nhà xuất bản quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này;*

b) *Nhà xuất bản thay đổi tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu của nhà xuất bản.”*

2. *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.*

3. Sau khi được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản ra quyết định thành lập và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác để nhà xuất bản hoạt động.

4. Nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động có thời hạn trong các trường hợp sau đây:

a) Trong quá trình hoạt động, cơ quan chủ quản và nhà xuất bản không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 của Luật này;

b) Nhà xuất bản thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản;

c) Nhà xuất bản vi phạm quy định của pháp luật về xuất bản mà bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ hoạt động.

5. Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

b) Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản không ra quyết định thành lập nhà xuất bản.

c) Trong thời gian 12 tháng liên tục mà nhà xuất bản không có xuất bản phẩm nộp lưu chiểu;

d) Trong quá trình hoạt động cơ quan chủ quản và nhà xuất bản không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 của Luật này và gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;

đ) Vi phạm nghiêm trọng các quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;

e) Nhà xuất bản *thuộc diện hợp nhất*, sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, tự chấm dứt hoạt động.

6. Khi giấy phép thành lập nhà xuất bản bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 5 Điều này thì cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải thực hiện việc giải thể nhà xuất bản theo quy định của pháp luật.

7. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản và đình chỉ hoạt động nhà xuất bản.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

Điều 15. Cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản

1. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi tên gọi của cơ quan chủ quản nhà xuất bản và tên nhà xuất bản;
- b) Thay đổi loại hình tổ chức của nhà xuất bản;
- c) Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị mất, bị hư hỏng.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Trường hợp thay đổi trụ sở làm việc, nhà xuất bản phải gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có thay đổi trụ sở.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản

- 1. Bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 13 của Luật này.
- 2. Bổ nhiệm đối với chức danh lãnh đạo nhà xuất bản quy định tại Điều 17 của Luật này sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- 3. Miễn nhiệm, cách chức đối với chức danh lãnh đạo nhà xuất bản quy định tại Điều 17 của Luật này.

4. Chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, phương hướng hoạt động của nhà xuất bản; giám sát nhà xuất bản thực hiện đúng giấy phép thành lập nhà xuất bản.
5. Kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản theo thẩm quyền.
6. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Tiêu chuẩn các chức danh tổng giám đốc (giám đốc) và tổng biên tập nhà xuất bản

1. Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản:
 - a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
 - b) Có trình độ đại học trở lên.
 - c) Có ít nhất 02 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí, quản lý xuất bản hoặc báo chí tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản.
 - d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.
2. Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập nhà xuất bản:
 - a) Có chứng chỉ hành nghề biên tập *hoặc sau khi bổ nhiệm trong vòng 6 tháng phải hoàn thành cấp chứng chỉ biên tập.*
 - b) Có ít nhất 02 năm làm *một trong các* công việc biên tập tại nhà xuất bản hoặc cơ quan báo chí, *quản lý xuất bản hoặc báo chí tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản.*
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.
3. Đối với nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện do Nhà nước là chủ sở hữu mà có chức danh chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty thì chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty phải đồng thời là tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản.
4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản; giám đốc (tổng giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ giám đốc (tổng giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản khác.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập

1. Người *thực hiện* công tác biên tập, có đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a,b,c khoản 1 Điều 19 của Luật này, lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Biên tập viên có xuất bản phẩm do mình biên tập bị cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy;

b) Biên tập viên trong 01 năm có hai xuất bản phẩm hoặc trong 02 năm liên tục có xuất bản phẩm do mình biên tập sai phạm về nội dung mà bị buộc phải sửa chữa mới được phát hành;

c) Biên tập viên nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong lĩnh vực xuất bản.

d) Biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

3. Chứng chỉ hành nghề biên tập được cấp lại trong trường hợp sau:

a) Chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng.

b) Thay đổi cơ quan công tác của biên tập viên.

c) Chứng chỉ bị thu hồi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2.

d) Sau khi được xoá án tích đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Đăng ký xuất bản và xác nhận đăng ký xuất bản

1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký xuất bản với *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* theo mẫu quy định. Nội dung đăng ký xuất bản phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, xác nhận đăng ký xuất bản bằng văn bản; trường hợp không xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Văn bản xác nhận đăng ký xuất bản là căn cứ để nhà xuất bản ra quyết định xuất bản và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm xác nhận đăng ký.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đăng ký và xác nhận đăng ký xuất bản.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Liên kết trong hoạt động xuất bản

1. Nhà xuất bản được liên kết với tổ chức, cá nhân (gọi chung là đối tác liên kết) sau đây để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm:

- a) Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;
- b) Nhà xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm, cơ sở phát hành xuất bản phẩm *hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm.*
- c) Tổ chức khác có tư cách pháp nhân.

2. Hình thức liên kết của nhà xuất bản với đối tác liên kết bao gồm:

- a) Khai thác bản thảo;
- b) *Cung cấp dịch vụ biên tập bản thảo;*
- c) *Chế bản, in, gia công sau in* xuất bản phẩm;
- d) Phát hành xuất bản phẩm.

đ) Cung cấp dịch vụ trung gian phát hành.

3. Việc liên kết chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm, tài liệu được liên kết xuất bản;

b) Có hợp đồng liên kết xuất bản bằng văn bản giữa nhà xuất bản và đối tác liên kết phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

4. Trách nhiệm của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản trong liên kết xuất bản:

a) Quyết định đối tác, hình thức liên kết và giao kết hợp đồng liên kết đối với từng xuất bản phẩm; trường hợp liên kết để xuất bản nhiều xuất bản phẩm với cùng một đối tác liên kết thì có thể giao kết trong một hợp đồng, trong đó thể hiện rõ hình thức liên kết đối với từng xuất bản phẩm;

b) Thực hiện đúng hợp đồng liên kết xuất bản; bảo đảm nội dung xuất bản phẩm liên kết phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản;

c) Tổ chức biên tập hoàn chỉnh bản thảo tác phẩm, tài liệu do đối tác liên kết *khai thác;*

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động liên kết xuất bản và xuất bản phẩm liên kết;

đ) Thu hồi quyết định xuất bản khi đối tác liên kết vi phạm hợp đồng liên kết;

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Trách nhiệm của tổng biên tập nhà xuất bản trong liên kết xuất bản:

a) Giúp tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản tổ chức biên tập hoàn chỉnh bản thảo tác phẩm, tài liệu do đối tác liên kết *khai thác*; đọc duyệt bản thảo tác phẩm, tài liệu liên kết xuất bản;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.

6. Trách nhiệm của đối tác liên kết:

a) Thực hiện đúng hợp đồng liên kết xuất bản;

b) Thực hiện đúng nội dung bản thảo đã được tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký duyệt để in hoặc phát hành trên phương tiện điện tử;

c) Ghi tên, địa chỉ trên xuất bản phẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 27 của Luật này;

d) Nộp xuất bản phẩm liên kết để nhà xuất bản nộp lưu chiểu;

đ) Chỉ phát hành xuất bản phẩm liên kết sau khi tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký quyết định phát hành;

e) Thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động liên kết xuất bản và xuất bản phẩm liên kết.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Xuất bản tài liệu không kinh doanh

1. Cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có nhu cầu xuất bản tài liệu không kinh doanh mà không thực hiện xuất bản thông qua nhà xuất bản, phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Tài liệu không kinh doanh phải phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh được phép tự xuất bản tài liệu không kinh doanh mà không phải có giấy phép xuất bản nhưng phải có trách nhiệm:

a) Ghi đầy đủ các thông tin bắt buộc trên tài liệu theo quy định tại Điều 27 của Luật này;

- b) Lưu giữ tài liệu không kinh doanh đã xuất bản tại đơn vị;
- c) Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về nội dung, hình thức và quá trình xuất bản, phát hành tài liệu.

4. *Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh lập hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nộp phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép.*

Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; trường hợp không cấp phép, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo Văn bản trả lời nêu rõ lý do trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

5. Cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng giấy phép xuất bản được cấp;
- b) Bảo đảm nội dung tài liệu xuất bản đúng với bản thảo tài liệu được cấp giấy phép;
- c) Thực hiện ghi thông tin trên xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 27 của Luật này;
- d) Nộp lưu chiếu tài liệu theo quy định tại Điều 28 của Luật này;
- đ) Thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy đối với tài liệu xuất bản khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tài liệu được xuất bản.

6. Cơ quan, tổ chức xuất bản và phát hành tài liệu không kinh doanh theo hình thức xuất bản phẩm điện tử trên Internet phải *bảo đảm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này* và đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này.

7. *Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh và quy trình thực hiện tự xuất bản tài liệu không kinh doanh đối với các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này.*

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm

1. Trên xuất bản phẩm dưới dạng sách phải ghi các thông tin sau đây:

- a) Tên sách, họ tên tác giả hoặc người biên soạn, người chủ biên (nếu có), họ tên người dịch (nếu là sách dịch), người phiên âm (nếu là sách phiên âm từ chữ Hán

Nôm); tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; số thứ tự của tập (*nếu có*).

b) Họ tên hoặc bút danh của người hiệu đính (*nếu có*) đối với sách dịch, phải ghi tên nguyên bản; nếu dịch từ ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nguyên bản thì phải ghi rõ dịch từ ngôn ngữ nào.

c) Họ tên và chức danh của tổng giám đốc (giám đốc) chịu trách nhiệm xuất bản; họ tên và chức danh của tổng biên tập chịu trách nhiệm nội dung; họ tên và bút danh (*nếu có*) biên tập viên, người trình bày, minh họa, biên tập kỹ thuật, người sửa bản in; *khuôn khổ sách, số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản*; số lượng in; tên và địa chỉ cơ sở in; thời gian nộp lưu chiểu; mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN);

d) Đối với sách kinh doanh phải ghi giá bán lẻ; đối với sách do Nhà nước đặt hàng phải ghi là “sách Nhà nước đặt hàng”; đối với sách không kinh doanh phải ghi là “sách không bán”.

đ) Tên và địa chỉ của tổ chức hoặc họ tên cá nhân liên kết xuất bản (*nếu có*), thông tin ngắn (tagline) về xuất bản phẩm (*nếu có*).

2. Trên xuất bản phẩm không phải là sách phải ghi các thông tin sau:

a) Tên xuất bản phẩm; tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tài liệu không kinh doanh;

b) Số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của Ủy ban nhân cấp tỉnh cấp phép tài liệu không kinh doanh; số lượng in, tên và địa chỉ cơ sở in;

c) Đối với xuất bản phẩm kinh doanh phải ghi giá bán lẻ; đối với xuất bản phẩm do Nhà nước đặt hàng phải ghi là “xuất bản phẩm Nhà nước đặt hàng”; đối với xuất bản phẩm không kinh doanh phải ghi là “xuất bản phẩm không bán”.

d) Tên và địa chỉ của tổ chức hoặc họ tên cá nhân liên kết xuất bản (*nếu có*), thông tin ngắn (tagline) về xuất bản phẩm (*nếu có*).

3. Thông tin quy định tại điểm a khoản 1 *điểm a khoản 2* Điều này phải ghi trên bìa một của sách *thông tin quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2* Điều này được phép ghi trên bìa một của cuốn sách và không được ghi thêm thông tin khác; thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải ghi trên cùng một trang sách; thông tin quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải ghi trên bìa bốn của sách.

4. Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản quyết định vị trí ghi các thông tin khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trên xuất bản phẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Đối với xuất bản phẩm điện tử ngoài việc phải có đủ các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn phải có các thông tin quản lý xuất bản phẩm điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Trường hợp bìa một của sách có hình ảnh Quốc kỳ, Quốc huy, Đảng kỳ, bản đồ Việt Nam, chân dung lãnh tụ, người đứng đầu Đảng và Nhà nước thì không ghi tên tác giả, người biên soạn, người chủ biên, họ tên người dịch, người phiên âm trên nền hình ảnh, chân dung đó.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

1. Xuất bản phẩm của nhà xuất bản và xuất bản phẩm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép *phải nộp lưu chiếu*.

Sau khi hoàn thành việc nộp lưu chiếu, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được quyết định thời điểm phát hành xuất bản phẩm trong thời gian 12 tháng tính từ thời điểm nộp lưu chiếu. Trường hợp không ra quyết định phát hành, phải gửi văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhận nộp lưu chiếu. Việc nộp lưu chiếu được thực hiện theo quy định sau:

a) Nhà xuất bản phải nộp lưu chiếu cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Cơ quan, tổ chức được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp phép xuất bản nộp lưu chiếu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp phép hoặc nơi đóng trụ sở chính.

c) Nhà xuất bản phải nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.”

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm gồm như sau:

a) Người đứng đầu cơ sở in hoặc người đại diện theo pháp luật phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;

c) Có chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định của Chính phủ.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép cho cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho cơ sở in trên địa bàn là hợp tác xã và đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và chi nhánh của các loại hình này không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép cho cơ sở in trên địa bàn là hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của cơ sở in quy định tại điểm a, b khoản này, trừ trường hợp địa chỉ của địa điểm kinh doanh đồng thời là địa chỉ của cơ sở in, chi nhánh cơ sở in.

4. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc có thay đổi về tên gọi, địa chỉ, thành lập chi nhánh, chia tách hoặc sáp nhập.

5. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị thu hồi theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở in xuất bản phẩm không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này trong quá trình hoạt động;

b) Cơ sở in có các thay đổi quy định tại khoản 4 Điều này mà không làm thủ tục cấp lại giấy phép.

c) Cơ sở in giải thể, phá sản, tự chấm dứt hoạt động;

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.”

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Điều kiện nhận in xuất bản phẩm

1. Việc nhận in xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với xuất bản phẩm thực hiện thông qua nhà xuất bản thì phải có quyết định xuất bản (bản chính) và bản thảo có chữ ký duyệt của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản;

b) Đối với tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam, tổ chức nước ngoài không thực hiện thông qua nhà xuất bản thì phải có giấy phép xuất bản (bản chính) và bản thảo có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức hoặc chi nhánh của cơ quan, tổ chức đóng trụ sở cấp giấy phép theo quy định tại Điều 25 của Luật này;

c) Đối với xuất bản phẩm in xuất khẩu phải có giấy phép in xuất khẩu quy định tại Điều 34 của Luật này.

d) Đối với tài liệu không kinh doanh của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh, phải có quyết định xuất bản *hoặc giấy phép* tài liệu không kinh doanh và bản thảo có đóng dấu của cơ quan, tổ chức được phép xuất bản theo quy định tại Điều 25 của Luật này;

2. Việc nhận in xuất bản phẩm phải có hợp đồng theo quy định của pháp luật giữa cơ sở in với nhà xuất bản hoặc *có hợp đồng với đối tác liên kết ghi trên quyết định xuất bản.*

3. Số lượng xuất bản phẩm được in phải được thể hiện trong hợp đồng và phải phù hợp với quyết định xuất bản hoặc giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. In xuất khẩu xuất bản phẩm

1. Cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Điều 32 của Luật này được in *xuất khẩu* xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Việc in *xuất khẩu* xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép.

2. Nội dung xuất bản phẩm *được in xuất khẩu* không được vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Giám đốc cơ sở in chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc in *xuất khẩu* xuất bản phẩm và *không phải hoàn thành* đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 37 của Luật này trước khi *xuất khẩu* xuất bản phẩm.

Tổ chức, cá nhân đặt in *xuất khẩu* chịu trách nhiệm về bản quyền đối với xuất bản phẩm đặt in *xuất khẩu*.

5. Xuất bản phẩm in *xuất khẩu* cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải xuất khẩu 100%; trường hợp phát hành, sử dụng tại Việt Nam thì phải làm thủ tục nhập khẩu xuất bản phẩm theo quy định của Luật này.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm.”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm

1. Điều kiện hoạt động đối với cơ sở *kinh doanh* phát hành là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, *hợp tác xã, chi nhánh của các loại hình này* như sau:

a) Người đứng đầu hoặc người đại diện *theo pháp luật* của cơ sở phát hành phải thường trú *hợp pháp* tại Việt Nam;

b) Có một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, *giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã* hoặc *quyết định thành lập hợp tác xã* theo quy định của pháp luật;

c) Có địa điểm kinh doanh xuất bản phẩm *hoặc địa chỉ tên miền để kinh doanh phát hành do cơ quan có thẩm quyền cấp*.

2. Điều kiện hoạt động đối với cơ sở phát hành là hộ kinh doanh:

a) Chủ hộ phải thường trú tại Việt Nam;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Có địa điểm kinh doanh xuất bản phẩm *hoặc địa chỉ tên miền để kinh doanh phát hành xuất bản phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp*.

3. Nhà xuất bản được phép phát hành xuất bản phẩm do nhà xuất bản của mình xuất bản và không phải thực hiện theo các quy định tại khoản 1 điều này và Điều 37 của Luật này.

Trường hợp nhà xuất bản tổ chức phát hành xuất bản phẩm của các nhà xuất bản khác phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều này và Điều 37 của Luật này.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 37. Đăng ký hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm

1. Trước khi hoạt động, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm đối với cơ sở phát hành là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã có trụ sở chính trên địa bàn;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh của cơ sở phát hành trên địa bàn và thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp xác nhận đăng ký hoạt động kinh doanh cho cơ sở phát hành theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Trước khi hoạt động, cơ sở phát hành là hộ kinh doanh phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại.

2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm và thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (sau đây gọi là cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm) phải có đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và có giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.

2. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm bao gồm:

a) Có một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật thường trú tại Việt Nam.

c) Có đội ngũ nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách trong trường hợp kinh doanh sách nhập khẩu;

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được cấp lại trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc có thay đổi về tên gọi, địa chỉ, thành lập chi nhánh, chia tách hoặc sáp nhập.

5. Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm bị thu hồi theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở nhập khẩu không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này trong quá trình hoạt động;

b) Cơ sở nhập khẩu không thực hiện hoạt động kinh doanh nhập khẩu trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cấp phép;

c) Cơ sở nhập khẩu bị chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản, tự chấm dứt hoạt động.

6. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu xuất bản phẩm để sử dụng không nhằm mục đích kinh doanh được uỷ thác việc nhập khẩu cho cơ sở nhập khẩu.

7. Chính phủ quy định chi tiết **trình tự**, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.”

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Xuất bản phẩm nhập khẩu phải thực hiện đăng ký nhập khẩu

a) Việc nhập khẩu xuất bản phẩm kinh doanh phải do cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm thực hiện.

b) Trước khi nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải lập hồ sơ đăng ký nhập khẩu gửi Bộ *Văn hóa, Thể thao và Du lịch* và nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đăng ký bằng văn bản; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Trường hợp có sự thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký xuất bản phẩm nhập khẩu đã được xác nhận đăng ký, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải có văn bản báo cáo về nội dung thông tin thay đổi, đồng thời đăng ký những thông tin mới (nếu có) với *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* để xác nhận đăng ký bổ sung.

d) Văn bản xác nhận đăng ký của *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* là căn cứ pháp lý để cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan và có giá trị cho đến khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu.

e. Trường hợp phát hiện nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu có dấu hiệu vi phạm pháp luật Việt Nam, *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* có quyền từ chối xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm hoặc yêu cầu thẩm định nội dung xuất bản phẩm đó trước khi xác nhận đăng ký nhập khẩu.

g. *Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đăng ký và xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.*

2. Xuất bản phẩm nhập khẩu không phải thực hiện đăng ký nhập khẩu

a) Tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức; xuất bản phẩm là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng; xuất bản phẩm thuộc tiêu chuẩn hành lý mang theo người của người nhập cảnh để sử dụng cho nhu cầu cá nhân; xuất bản phẩm tặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi qua bưu điện, dịch vụ chuyển phát có giá trị không lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật; xuất bản phẩm trao đổi, biếu tặng cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và các thư viện công lập phục vụ mục đích lưu trữ, học tập.

b) Việc nhập khẩu xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao thực hiện theo quy định của pháp luật hải quan, pháp luật về ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

c) Xuất bản phẩm quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này sau khi sử dụng phải tái xuất; trường hợp chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Trách nhiệm của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở phát hành xuất bản phẩm, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Thực hiện quy định tại các điều 36, 37, 38 và 39 của Luật này trong quá trình hoạt động.

2. Thực hiện đúng giấy phép hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm, giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm; thực hiện đúng nội dung đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

3. Báo cáo về hoạt động của cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

4. Không được tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy; không được kinh doanh xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh, xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài.

5. Dừng việc phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phát hiện xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này.

6. Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm nhập khẩu.

7. Người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật phải tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức.

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm.”

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm

1. Việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức ở trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài *tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm trên địa bàn.*

b) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép *tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm* cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác *không thuộc phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này.*

2. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép;

b) Kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm trước khi trưng bày, giới thiệu, phát hành tại triển lãm, hội chợ;

c) Không được đưa vào triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này; xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm đưa vào triển lãm, hội chợ và hoạt động tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản có quyền từ chối cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đưa ra khỏi danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ đối với các xuất bản phẩm sau đây:

a) Xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này;

b) Xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ không có nguồn gốc hợp pháp;

c) Xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

5. Chính phủ quy định chi tiết *trình tự*, thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm.”

26. Sửa đổi, bổ sung tên Chương V như sau:

“XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM”

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“Điều 45. Điều kiện xuất bản và kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử

1. Việc xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử phải do nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, cơ sở phát hành xuất bản phẩm thực hiện và phải tuân theo quy định của Luật này.

Nhà xuất bản thực hiện xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet trong suốt quá trình hoạt động phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình xuất bản điện tử;

b) Có biện pháp kỹ thuật phù hợp với quy định của cơ quan quản lý nhà nước để ngăn chặn sao chép, can thiệp bất hợp pháp vào nội dung xuất bản phẩm điện tử;

c) Có tên miền Internet Việt Nam theo quy định của pháp luật để thực hiện xuất bản điện tử trên Internet;

d) Có giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản điện tử trên Internet với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

2. Cơ sở phát hành thực hiện kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet trong suốt quá trình hoạt động phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Có biện pháp kỹ thuật phù hợp với quy định của cơ quan quản lý nhà nước để ngăn chặn sao chép, can thiệp bất hợp pháp vào nội dung xuất bản phẩm;

c) Có tên miền Internet Việt Nam theo quy định của pháp luật để thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet;

d) Có giấy xác nhận đăng ký kinh doanh hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

3. Cơ quan, tổ chức xuất bản và phát hành tài liệu không kinh doanh theo hình thức xuất bản phẩm điện tử trên Internet phải có các điều kiện sau:

a) Có năng lực về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Có tên miền Internet Việt Nam theo quy định của pháp luật để thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet;

4. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm trên môi trường mạng Internet trong suốt quá trình hoạt động phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Chỉ cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Luật này.

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, **an toàn thông tin mạng, an ninh mạng**, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và các quy định pháp luật có liên quan

5. Chính phủ quy định chi tiết **trình tự**, thủ tục đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.”

28. Bãi bỏ và thay thế một số quy định:

a) Bãi bỏ Điều 41; 42.

b) Bãi bỏ quy định “Lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh” quy định tại số thứ tự 11.2 Mục III Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

c) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch” tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 18, điểm c khoản 1 Điều 19, khoản 1 và khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 35.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành đã được cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký trước ngày Luật này có hiệu lực, nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật này được tiếp tục hoạt động và không phải làm thủ tục cấp đổi các loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký đó.

b) Cơ sở in, cơ sở phát hành đã được cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký trước ngày Luật này có hiệu lực, phải làm thủ tục để được cấp giấy phép đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh của cơ sở in, cơ sở phát hành và địa điểm kinh doanh của chi nhánh cơ sở in, cơ sở phát hành trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành có hồ sơ đề nghị cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký đã được nộp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, thì việc giải quyết thực hiện theo quy định của Luật Xuất bản năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành./.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày.....thángnăm...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI